

**CÔNG TY TNHH ÁNH SÁNG AN LỘC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ÁNH SÁNG AN LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN LOC LIGHT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANLOCLIGHT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108300432

**3. Ngày thành lập:** 30/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965069566

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                      | 2740     |
| 2.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                | 4933     |
| 3.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                           | 7920     |
| 4.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                      | 7912     |
| 5.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                              | 9511     |
| 6.  | Quảng cáo                                                                                                                              | 7310     |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                               | 7020     |
| 8.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Tư vấn đầu tư                                                | 6619     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết:<br>Đại lý, môi giới;                                                                            | 4610     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế .                        | 4659 |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100 |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4210 |
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4220 |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm ;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290 |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 19. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4513 |
| 20. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4520 |
| 21. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4530 |
| 22. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4512 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759 |
| 24. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2750 |
| 25. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6201 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                    | 4932        |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510        |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610        |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                  | 7730        |
| 30. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9512        |
| 31. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>chi tiết:<br>Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2829        |
| 32. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>chi tiết:<br>Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3290        |
| 33. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 34. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao . | 4649(Chính) |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                               | 4312        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 37. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                        | 4663        |

|     |                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ bán đấu giá tài sản)                                                                                         | 4511 |
| 40. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                      | 6202 |
| 41. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản;<br>Dịch vụ môi giới bất động sản | 6820 |
| 42. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                             | 9521 |
| 43. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | KIM VĂN CUÔNG   | P501-OCT2- KĐT Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.000.000         | 50,000    | 001081009615                                                                                                                                      |         |
| 2   | ĐẶNG TRẦN KHÁNH | Đội 1A, Thôn Đặng, Xã Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | 1.000.000.000         | 50,000    | 112370665                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG TRẦN KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112370665

Ngày cấp: 26/02/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1A, Thôn Đặng, Xã Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1909-OCT2- KĐT Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

